

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1525/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành;
thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bãi bỏ
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định công bố TTHC của Bộ Giao thông vận tải: số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; số 533/QĐ-BGTVT ngày 09/5/2024 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; số 161/QĐ-BGTVT ngày 19/02/2024 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; số 62/QĐ-BGTVT ngày 19/1/2024 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; Quyết định số 34/QĐ-BGTVT ngày 15/01/2024 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; số 23/QĐ-BGTVT ngày 10/01/2024 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao

thông vận tải; số 44/QĐ-BTC ngày 09/01/2024 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2618/TTr-SGTVT ngày 20/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải (có danh mục và nội dung thủ tục hành chính kèm theo).

Giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải căn cứ danh mục thủ tục hành chính đã được công bố, cung cấp nội dung thủ tục hành chính cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; Phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh xây dựng đề phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính chi tiết đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015 để tin học hóa việc giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nghiêm Xuân Cường

Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI (11 TTHC)								
I	Lĩnh vực Lĩnh vực Phí, lệ phí (05 TTHC)							
1	Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp	<i>Bên dưới nội dung TTHC</i>	Đơn vị đăng kiểm	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008; - Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024; - Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13/12/2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ 	Có	Có	DVC trực tuyến một phần
<p>- 03 ngày đối với trường hợp xe bị hủy hoại do tai nạn hoặc thiên tai; bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên;</p> <p>- 01 ngày đối với trường hợp xe ô tô đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài từ 30 ngày trở lên; xe bị mất trộm trong thời gian 30 ngày trở lên.</p>								

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
2	Thủ tục xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên	03 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008; - Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024;	Có	Có	DVC trực tuyến một phần
3	Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ	01 ngày	Đơn vị đăng kiểm	Không	- Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13/12/2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ	Có	Có	DVC trực tuyến một phần
4	Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu	02 ngày	TT Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008; - Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024;	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
5	Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ	10 ngày	TT Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13/12/2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ	Có	Có	DVC trực tuyến một phần
II	Lĩnh vực Đường bộ (06 TTHC)							

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
1	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	02 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008; - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
2	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không		Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
3	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008; - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
4	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không		Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
5	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	02 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
6	Ngừng hoạt động tuyến, ngừng hoạt động của phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	02 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không		Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình

Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
A	TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI (47 TTHC)							
I	Lĩnh vực Đường bộ (39 TTHC)							
1	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	02 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
2	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	02 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
3	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	02 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
4	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	02 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
5	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VND)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
6	Gia hạn thời gian lưu hành tiền tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	02 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
7	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	02 ngày	Trạm Quản lý vận tải quá cảnh đường bộ Việt - Trung (Nhà kiểm soát liên ngành cửa khẩu)	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
8	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	02 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
9	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	02 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
10	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	02 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
11	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	02 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
12	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	02 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VND)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
13	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	02 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
14	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	02 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
15	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
16	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
17	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác (bao gồm cả đường tỉnh)	07 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh	Không	- Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
18	Giả hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác (bao gồm cả đường tỉnh)	05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh	Không	- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010; số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 và số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ;	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
19	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh	Không có	- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010; số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 và số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ;	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
	phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác				<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015; số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017; số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020; số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017; số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh 			
20	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	03 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh	Không có	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12; - Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải “Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông đường bộ”; - Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13/12/2023 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới 	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VND)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
21	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	05 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần - Nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần	hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hoá trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ. - Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; - Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;	Không	Có	DVC trực tuyến một phần
22	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế	05 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần. - Nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần	- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;	Không	Có	DVC trực tuyến một phần

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VND)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến 			
23	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động	05 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT ngày 07/3/2011 của Bộ Giao thông vận tải quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; 	Không	Có	DVC trực tuyến một phần

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VND)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
				quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.	- Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ			
24	Cấp mới Giấy phép lái xe	Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và trả giấy phép lái xe sau khi người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe.	- Người học lái xe lần đầu, Người học lái xe nâng hạng, Người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt học lái xe mô tô hạng A1, hạng A4 lập hồ sơ, nộp tại Cơ sở đào tạo; - Cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải.	<i>Bên dưới nội dung TTHC</i>	- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến	Không	Có	DVC trực tuyến một phần

TT	Tên chủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
					<p>lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;</p> <p>- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p>			
<p>- Phí sát hạch lái xe:</p> <p>+ Đối với thi sát hạch lái xe các hạng xe A1, A2, A3, A4: Sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành: 70.000 đồng/lần;</p> <p>+ Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trong hình: 350.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần, Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: 100.000 đồng/lần.</p> <p>- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.</p>								

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
25	Cấp lại Giấy phép lái xe	- 05 ngày đối với GPLX bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng; - 10 ngày đối với GPLX bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Bên dưới nội dung TTHC	- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.	Không	Có	DVC trực tuyến một phần

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VND)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
	<ul style="list-style-type: none"> - Phí sát hạch lái xe: + Đối với thi sát hạch lái xe các hạng xe A1, A2, A3, A4: Sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành: 70.000 đồng/lần; + Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trong hình: 350.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần, Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: 100.000 đồng/lần. - Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần. 							
26	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	05 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí cấp giấy phép lái xe đối với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần, nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên 	Không	Không	DVC trực tuyến toàn trình

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
27	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	05 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.	quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến;	Không	Có	DVC trực tuyến một phần
28	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	05 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.	quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;	Không	Có	DVC trực tuyến một phần
29	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	05 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.	quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;	Không	Có	DVC trực tuyến một phần
30	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam	05 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.	quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;	Không	Có	DVC trực tuyến một phần

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VND)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
31	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu	08 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Lệ phí cấp lần đầu giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.	<ul style="list-style-type: none"> Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng; Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái 	Không	Có	DVC trực tuyến một phần
32	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	08 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Lệ phí cấp có thời hạn giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.	<ul style="list-style-type: none"> Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. 	Không	Có	DVC trực tuyến một phần

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
33	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	03 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kèm theo biển số tạm thời: 70.000 đồng/lần/ phương tiện. - Lệ phí đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/ phương tiện; - Lệ phí đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện;	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái;	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
34	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	Bên dưới nội dung TTHC	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Lệ phí đóng lại số khung, số máy: 50.000 đồng/lần/phương tiện.	- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.	Không	Có	DVC trực tuyến một phần

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
					<ul style="list-style-type: none"> Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. 			
37	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	03 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng; Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái 	Không	Có	DVC trực tuyến toàn trình

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
38	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến	08 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Lệ phí cấp giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện;	<ul style="list-style-type: none"> Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng; Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; 	Không	Có	DVC trực tuyến một phần
39	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	02 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng 	Không	Có	DVC trực tuyến toàn trình
II	Lĩnh vực Đường thủy nội địa (05 TTHC)							
1	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh	Không	<ul style="list-style-type: none"> Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa 	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
2	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh	Không	Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
3	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh	Không		Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
4	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh	Không có	- Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
5	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và người đề nghị xét cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM,	Cá nhân có nhu cầu xét cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM nộp hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Trung tâm phục vụ hành	- Cấp mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng: 50.000 đồng/giấy;	- Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT ngày 18/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ	Không	Có	DVC trực tuyến một phần

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
		CCCM đã nộp phí, lệ phí theo quy định.	chính công tỉnh Quảng Ninh hoặc cơ sở đào tạo	- Cấp mới, cấp lại chứng chỉ chuyên môn: 20.000 đồng/giấy.	trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt;			
III	Lĩnh vực Đăng kiểm (02 TTHC)							
1	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận (riêng đối với xe ô tô con dưới 10 chỗ: 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận);	- Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm; - Thông tư số 43/2023/TT-BGTVT ngày 29/12/2023 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30/8/2022	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình

TT	Tên chủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
2	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo	03 ngày làm việc.	Các Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới trực thuộc Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới đường bộ Quảng Ninh	Giá thẩm định thiết kế xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cải tạo: 300.000 đồng/chiếc.	<p>của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;</p> <p>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;</p> <p>- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;</p> <p>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định vé giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới;</p>	Không	Không	DVC trực tuyến một phần

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
1	Thỏa thuận số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp huyện	Không có	- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
2	Thỏa thuận số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp huyện	Không có	- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
3	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp huyện	Không có	- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
4	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp huyện	Không có	- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
5	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp huyện	Không có	- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
6	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc để quan sát	05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp huyện	Không	- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
7	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	02 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp huyện	Không	- Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước	Có	Có	DVC trực tuyến toàn trình
8	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	03 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp huyện	Không	- Nghị định 48/2019/NĐ-CP ngày 05/06/2019 của Chính phủ Quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;	Có	Không	DVC trực tuyến toàn trình
9	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	03 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp huyện	Không	- Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước	Có	Không	DVC trực tuyến toàn trình
10	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	03 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp huyện	Không	- Nghị định 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ Quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi,	Có	Không	DVC trực tuyến toàn trình

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Cung cấp DVC TT
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
11	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	02 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp huyện	Không	bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.	Có	Không	DVC trực tuyến toàn trình

Phụ lục IV
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Ghi chú
TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI (04 TTHC)				
I Lĩnh vực Phí, lệ phí (01 TTHC)				
1		Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp	Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13/12/2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ	
II Lĩnh vực Đường bộ (02 TTHC)				
1		Cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	
2		Cấp Giấy phép vận tải cho xe công vụ	Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái	
III Lĩnh vực Đường thủy nội địa (01 TTHC)				
1		Dự học, thi, kiểm tra để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT ngày 18/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	